Ký bởi: Ủy ban Nhân dân huyện Đức Cơ
Email: ubndducco@gialai.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Gia Lai
Ngày ký: 10-05-2021 10:52:40 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC CƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 197/BC-UBND	*Đức Cơ, ngày 10 tháng 5 năm 2021*

BÁO CÁO

Kết quả 10 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2020 và kế hoạch thực hiện năm 2021

Triển khai Công văn số 1135/SNNPTNT-VPNTM ngày 25/4/2021 của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai về việc đẩy nhanh tiến độ phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021. Uỷ ban nhân dân huyện Đức Cơ, báo cáo như sau:

I. KẾT QUẢ 10 NĂM THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2020:

1. Đặc điểm Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới của huyện:

Huyện Đức Cơ có 73 thôn, làng, tổ dân phố (trong đó có 43 làng đồng bào DTTS), có 09 xã và 01 làng đồng bào DTTS thuộc thị trấn Chư Ty triển khai thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, thôn làng nông thôn mới trong Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

Tính đến ngày 31/12/2020, trên địa bàn huyện có 03 xã đạt 19/19 tiêu chí nông thôn mới (Xã Ia Dom đạt chuẩn nông thôn mới; 02 xã Ia Krêl, Ia Nan đang chờ UBND tỉnh xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020) và 06 xã còn lại (Ia Kriêng, Ia Kla, Ia Din, Ia Dơk, Ia Lang, Ia Pnôn) đạt từ 10-14 tiêu chí.

2. Công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện:

- Giai đoạn 2010-2015: Ngay từ năm 2011, Huyện ủy đã ban hành Chương trình hành động số 16-CTr/HU ngày 16/11/2011: Về thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU của Tỉnh ủy Gia Lai về xây dựng nông thôn mới tỉnh Gia Lai đến năm 2020 nhằm thống nhất nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị cấp huyện, xã cùng chung sức xây dựng nông thôn mới. Thực hiện chỉ đạo của Huyện ủy, UBND huyện đã xây dựng kế hoạch tổng thể về xây dựng nông thôn mới huyện giai đoạn 2011-2020; Hàng năm, ban hành kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện; Đảng ủy xã ban hành Nghị quyết, UBND xã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện; các tổ chức đoàn thể chính trị trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mình đã xây dựng chương trình, kế hoạch để thực hiện các mục tiêu, nội dung của Nghị quyết. UBND huyện đã tổ chức thành lập và kiện toàn bộ máy thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới từ cấp huyện đến cấp xã; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan Thành viên Ban Chỉ đạo huyện phụ trách hướng dẫn các xã triển khai thực hiện từng tiêu chí. Hàng năm, chỉ đạo tập trung lồng ghép các nguồn vốn, chương trình, dự án xây dựng các công trình, hạng mục cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ nhu cầu sản xuất, sinh hoạt của người dân. Tổ chức hội nghị sơ, tổng kết kịp thời để đánh giá tình hình triển khai nhiệm vụ và đề ra phương hướng giải pháp thực hiện thời gian đến.

- Giai đoạn 2016-2020: Năm 2017, do có sự thay đổi bộ tiêu chí nông thôn mới, UBND huyện đã tổ chức kiện toàn bộ máy hoạt động cho phù hợp với các quy định mới; bám sát các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của tỉnh để điều chỉnh Đề án nông thôn mới huyện giai đoạn 2016-2020 đồng thời hướng dẫn UBND các xã rà soát, điều chỉnh Đề án xây dựng nông thôn mới xã giai đoạn 2016-2020. Hàng năm, xây dựng kế hoạch và ban hành Chương trình công tác triển khai nhiệm vụ về xây dựng nông thôn mới; yêu cầu các cơ quan chuyên môn, UBND các xã xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình, giao chỉ tiêu và tổ chức triển khai thực hiện đạt kế hoạch.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện cùng các tổ chức đoàn thể đã phối hợp hoạt động, tổ chức tuyên truyền tốt các nội dung và kết quả thực hiện của chương trình góp phần tập trung phát huy cao nhất vai trò của cộng đồng, sự chủ động, tính sáng tạo của người dân trong xây dựng nông thôn mới; huy động tối đa các nguồn lực, tạo điều kiện về môi trường, cơ chế, chính sách để người dân thực sự là chủ thể trong xây dựng nông thôn mới.

Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND các xã rà soát, đăng ký xã đạt chuẩn nông thôn mới hàng năm giai đoạn 2016-2020 và tổ chức xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện đạt chuẩn (Năm 2015 xã Ia Dom; năm 2020 xã Ia Nan, Krêl). Để phấn đấu đạt chuẩn xã nông thôn mới UBND huyện đã tổ chức nhiều đợt làm việc với Đảng ủy, UBND các xã về Kế hoạch đạt chuẩn xã nông thôn mới; chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phụ trách tiêu chí xây dựng kế hoạch đạt chuẩn các tiêu chí được giao phụ trách và tổ chức ký cam kết đạt chuẩn với các xã; chỉ đạo lồng ghép các nguồn vốn ưu tiên cho các xã đạt chuẩn hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

Năm 2017, Ban thường vụ Huyện uỷ ban hành Chương trình hành động số 30-CTr/HU ngày 10/4/2017 về thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VI về xây dựng nông thôn mới huyện Đức Cơ đến năm 2020; phân công các Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy chịu trách nhiệm phụ trách từng xã xây dựng nông thôn mới. UBND huyện đã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết; Đảng ủy các xã ban hành Nghị quyết triển khai Nghị quyết của Huyện ủy, UBND các xã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện; các tổ chức đoàn thể chính trị trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mình đã xây dựng chương trình, kế hoạch để thực hiện các mục tiêu, nội dung của Nghị quyết.

Ngày 13/02/2018, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị số 12-CT/TU, Ban thường vụ Huyện uỷ Đức Cơ đã ban hành Kế hoạch số 62-KH/HU ngày 12/4/2018 về kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 12-CT/TU, ngày 13/2/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ *về tăng cường sự lãnh đạo của cấp uỷ các cấp về xây dựng làng nông thôn mới trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh;* Trên cơ sở hướng dẫn của tỉnh, UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn cụ thể hóa các nội dung, ban hành Quyết định quy định Bộ tiêu chí Làng nông thôn mới trong đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2018-2020 thực hiện trên địa bàn huyện, làm cơ sở để các xã tổ chức triển khai thực hiện; đồng thời, chọn làng Sơn, xã Ia Nan để xây dựng mô hình điểm làng nông thôn mới trong đồng bào dân tộc thiểu số năm 2018.

3. Xây dựng đồng bộ hệ thống bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình:

3.1. Tổ chức bộ máy chỉ đạo Chương trình từ cấp huyện đến xã, thôn:

UBND huyện đã thành lập Ban chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới huyện giai đoạn 2010-2020 và kiện toàn khi có sự thay đổi Bộ tiêu chí mới giai đoạn 2016-2020, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan Thành viên Ban chỉ đạo. Cụ thể:

- Cấp huyện:

+ Giai đoạn 2011-2015: Năm 2011, UBND huyện ban hành Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới huyện giai đoạn 2010-2020 và ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo.

+ Giai đoạn 2016-2020: Năm 2017, theo hướng dẫn cấp trên, UBND huyện thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG huyện giai đoạn 2016-2020 và kiện toàn để đảm bảo công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện chương trình. Ban chỉ đạo được thành lập hay kiện toàn đều ban hành Quy chế hoạt động, xây dựng Chương trình công tác để triển khai nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Đồng thời ban hành Quyết định phân công nhiệm vụ phụ trách tiêu chí, nội dung tiêu chí nông thôn mới và phụ trách xã cho các cơ quan chuyên môn huyện thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

- Cấp xã: 09/9 xã đã thành lập Ban chỉ đạo, Ban quản lý; duy trì các Ban giám sát, Ban phát triển thôn, làng Chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2020 và kiện toàn khi có sự thay đổi Bộ tiêu chí mới giai đoạn 2016-2020; thành lập tổ giúp việc, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cán bộ, công chức phụ trách thực hiện các tiêu chí.

3.2. Kết quả kiện toàn bộ máy giúp việc cho Ban chỉ đạo các cấp:

Giai đoạn 2011-2020: Trên cơ sở hướng dẫn của tỉnh, UBND huyện thành lập Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện; công chức, viên chức các ban ngành phụ trách tiêu chí làm thành viên kiêm nhiệm công tác tại Văn phòng, nhiệm vụ chính: Giúp các thành viên Ban Chỉ đạo huyện xây dựng kế hoạch, hướng dẫn, kiểm tra giám sát; theo dõi, tổng hợp báo cáo tình kết quả thực hiện Chương trình nông thôn mới trên địa bàn huyện; tổ chức các đợt làm việc tại các xã để đánh giá kết quả hoạt động Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trong quý, tháng và phương hướng hoạt động thời gian tiếp theo.

4. Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình:

Triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, cấp ủy, chính quyền từ huyện đến cơ sở đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo có trọng tâm, trọng điểm và theo dõi, giám sát thường xuyên. Định kỳ hàng tháng, quý, tổng kết năm, Ban chỉ đạo huyện, Văn phòng Điều phối nông thôn mới đều có báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ và phương hướng triển khai thời gian đến cho Huyện ủy, UBND huyện và Ban chỉ đạo tỉnh theo dõi, chỉ đạo. Thường vụ Huyện ủy phụ trách xã đều thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra, giám sát trong việc nâng cao vai trò trách nhiệm của tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên trong xây dựng nông thôn mới, góp phần cùng Đảng bộ huyện theo dõi việc tổ chức thực hiện Nghị quyết chuyên đề của Ban chấp hành Đảng bộ huyện. Hội đồng nhân dân huyện đã tổ chức giám sát chuyên đề về nông thôn mới tại các xã. Công tác kiểm tra, giám sát đã giúp cấp ủy, chính quyền nắm được tình hình, những kiến nghị, đề xuất của các xã và người

dân, từ đó tìm ra những giải pháp cụ thể, kịp thời tháo gỡ những khó khăn cho từng địa phương; đồng thời, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, sự quyết tâm của cả hệ thống chính trị trong thực hiện xây dựng nông thôn mới, nhân dân thực sự là chủ trong xây dựng nông thôn mới và củng cố thêm lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương.

5. Kết quả thực hiện các mục tiêu của Chương trình:

5.1. Kết quả thực hiện các mục tiêu của Chương trình (đến 31/12/2020)

- Số xã đạt chuẩn 19/19 tiêu chí nông thôn mới: Có 03/9 xã (Trong đó: xã Ia Dom duy trì đạt chuẩn nông thôn mới; Xã Ia Krêl và Ia Nan đang chờ UBND tỉnh xem xét công nhận đạt chuẩn nông thôn mới).

- Các xã còn lại đạt từ 10 đến 14 tiêu chí; tính chung toàn huyện, tổng số tiêu chí đạt được: 128 tiêu chí; bình quân số tiêu chí đạt: 14,2 tiêu chí/xã.

- Số đơn vị cấp thôn, làng được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: 11 thôn, làng. Trong đó, có 04 làng đạt chuẩn nông thôn mới trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo Chỉ thị số 12-CT/TU.

5.2. Kết quả thực hiện bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới:

- Giai đoạn 2011-2015: Năm 2011 bắt đầu thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, tính chung toàn huyện tổng số tiêu chí nông thôn mới đạt được là 31 tiêu chí, bình quân 3,4 tiêu chí/xã; đến cuối năm 2015 tổng số tiêu chí đạt được toàn huyện là 112 tiêu chí, tăng 81 tiêu chí so với cuối năm 2011, bình quân số tiêu chí đạt được trên xã là 12,4 tiêu chí/xã.

- Giai đoạn 2016-2020: Cuối năm 2016, tổng số tiêu chí nông thôn mới đạt được theo Bộ tiêu chí mới là: 78 tiêu chí, bình quân 8,7 tiêu chí/xã (giảm 25 tiêu chí so với cuối năm 2015); Bộ tiêu chí mới có thêm nhiều nội dung và yêu cầu cao hơn Bộ tiêu chí cũ nên số tiêu chí rà soát đạt được thấp hơn năm 2015. Tính đến tháng 12/2020, tổng số tiêu chí nông thôn mới đạt được là 128 tiêu chí, tăng 50 tiêu chí so với năm 2016, bình quân số tiêu chí đạt được là 14,2 tiêu chí/xã

(Có Phụ lục 01, 02, 03 kèm theo).

6. Kết quả huy động, phân bổ, sử dụng và giải ngân nguồn lực:

Kết quả huy động các nguồn lực để thực hiện Chương trình giai đoạn 2011-2020: 840,602 tỷ đồng **(Có Phụ lục 04 kèm theo).** Trong đó:

+ Vốn đầu tư trực tiếp từ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 155,702 tỷ đồng, chiếm 18,5%.

+ Vốn lồng ghép từ các Chương trình, dự án: 265,755 tỷ đồng, chiếm 31,6%

- Vốn tín dụng: 291,29 tỷ đồng, chiếm 34,7%.

- Vốn huy động từ các Doanh nghiệp: 100,385 tỷ đồng, chiếm 11,9%.

- Vốn nhân dân đóng góp: 27,470 tỷ đồng, chiếm 3,3% (không tính kinh phí nhân dân tự xây dựng, chỉnh trang nhà ở).

II. Đánh giá chung:

1. Các mặt đạt được:

Được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Tỉnh uỷ, UBND tỉnh, các Sở ngành phụ trách thuộc Tỉnh và Thường trực Huyện ủy, sau 10 năm thực hiện (2010-2020) Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Đức Cơ có sự thay đổi mạnh mẽ và đạt được nhiều kết quả tích cực: Toàn huyện có 03 xã (Ia

Dom, Ia Krêl, Ia Nan) và 11 thôn, làng đạt chuẩn nông thôn mới (trong đó 04 làng đồng bào DTTS); Tỷ lệ hộ nghèo giảm, đời sống thu nhập người dân được nâng lên (Năm 2011: huyện có tỷ lệ hộ nghèo 28,1%, thu nhập bình quân 8,09 triệu đồng/người/năm. Đến năm 2020: Số hộ nghèo 1.154 hộ (chiếm 6,1%), thu nhập bình quân đạt 36,7 triệu đồng/người/năm). Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội khu vực nông thôn phát triển nhanh, tạo ra diện mạo mới cho khu vực nông thôn của huyện; Cơ cấu kinh tế nông thôn tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp - dịch vụ, nâng cao chất lượng - hiệu quả sản xuất, nhất là các sản phẩm thế mạnh của huyện (cà phê, tiêu, điều, cao su…); Sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển ổn định, tái cơ cấu ngành nông nghiệp đang đi đúng hướng; Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao quần chúng được đẩy mạnh; Chất lượng giáo dục ngày càng tăng, phổ cập giáo dục mầm non, trung học cơ sở tiếp tục được duy trì ở tất cả các xã, số xã đạt phổ cập giáo dục trung học cơ sở tăng; Công tác phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân đạt kết quả tốt, tỷ lệ người dân tham gia BHYT ngày càng tăng; Hệ thống chính trị cơ sở không ngừng được củng cố và phát huy sức mạnh tổng hợp; Đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã ngày càng hoàn thiện cả về chính trị, năng lực chuyên môn, tinh thần trách nhiệm và kỹ năng vận động quần chúng. An ninh, trật tự xã hội ở nông thôn tiếp tục được giữ vững và ổn định; Phong trào thi đua chung sức xây dựng NTM được nhân dân và xã hội đồng tình hưởng ứng mạnh mẽ, tạo ra sức lan tỏa lớn và thật sự mang lại hiệu quả thiết thực đối với chương trình xây dựng nông thôn mới.

2. Tồn tại, hạn chế:

- Vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới ở một số địa phương chưa thực sự được phát huy đầy đủ; các hoạt động hưởng ứng phong trào xây dựng nông thôn mới chưa đồng đều, chưa thường xuyên, liên tục.

- Kết cấu hạ tầng nông thôn được quan tâm đầu tư nhưng chưa đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới, còn thiếu đồng bộ. Nhiều công trình giao thông, thủy lợi xuống cấp không đảm bảo tiêu chuẩn hiện hành, cần được nâng cấp sửa chữa để phát huy hiệu hiệu quả và đảm bảo an toàn công trình. Trong khi đó kinh phí được bố trí để đầu tư, sửa chữa các công trình còn hạn chế, chưa đáp ứng được so với nhu cầu.

- Cơ sở vật chất các Trường học trên địa bàn từng bước được đầu tư nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu dạy và học; trang thiết bị dạy học, phòng làm việc, phòng chức năng còn thiếu. Việc huy động xã hội hóa từ nguồn tài chính nhân dân để đầu tư cơ sở vật chất hàng năm còn hạn chế.

- Các thiết chế văn hóa trên địa bàn huyện đã được đầu tư xây dựng nhưng chưa đáp ứng đầy đủ theo quy định về diện tích, công trình phụ trợ và trang thiết bị bên trong. Một số nhà văn hóa thôn, làng kể cả nhà văn hoá xã chưa đảm bảo các phòng chức năng (phòng đọc sách, phòng truyền thanh hoặc tập các môn thể thao đơn giản…).

- Sản xuất khu vực nông thôn vẫn còn thiếu tính bền vững, tổ chức sản xuất hiệu quả chưa cao. Mặc dù có những tiến triển tốt về kinh tế tập thể và mô hình tổ chức sản xuất nhưng việc huy động người dân tham gia vào HTX rất khó khăn. Hoạt động nhiều HTX ít hiệu quả. Liên kết sản xuất còn yếu, sản phẩm nông nghiệp nói chung, sản phẩm OCOP nói riêng chưa phát triển, sức cạnh tranh thấp.

Chưa thu hút được nhiều Doanh nghiệp liên kết với người dân trong phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với tiêu thụ sản phẩm.

- Công tác môi trường ở khu vực nông thôn vẫn còn tồn tại một số khó khăn cần tiếp tục khắc phục như: Ở nhiều xã vẫn còn nhiều hộ sản xuất kinh doanh và dịch vụ chưa thực hiện đầy đủ thủ tục về bảo vệ môi trường; một số xã chưa có phương án, kế hoạch hàng năm để tổ chức thực hiện việc xây dựng cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp; một số xã chưa có phương án thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải, đặc biệt là chất thải nguy hại (bao bì thuốc bảo vệ thực vật, chất thải y tế....); vẫn còn tình trạng thả rông gia súc, gia cầm, chưa xây dựng nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước hợp vệ sinh.

- Một số xã chưa chủ động rà soát huy động, lồng ghép các nguồn lực xây dựng đạt chuẩn tiêu chí nông thôn mới; còn trông chờ vào sự hỗ trợ, đầu tư của nhà nước; một số xã sử dụng nguồn vốn trực tiếp của Chương trình dàn trải, chưa tập trung để hoàn thành dứt điểm các tiêu chí nông thôn mới chưa đạt.

- Vốn huy động trong dân và từ các doanh nghiệp còn hạn chế; vốn ngân sách nhà nước chưa đáp ứng so với yêu cầu thực tiễn.

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế:

- Việc triển khai công tác tuyên truyền xây dựng nông thôn mới chưa phát huy hiệu quả, chưa tạo được chuyển biến trong nhận thức cán bộ và nhân dân. Công tác phối hợp tuyên truyền, vận động các cấp, các ngành trong xây dựng NTM hiệu quả chưa cao, thiếu đồng bộ.

- Sản xuất nông nghiệp chịu ảnh hưởng rất lớn của các yếu tố thời tiết, khí hậu và nhất là giá cả thị trường nhiều mặt hàng nông sản chủ lực giảm sâu đã tác động không nhỏ đến sự phát triển KT - XH của huyện và thu nhập của người dân.

- Các Doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn còn ít, thiếu động lực thu hút; hiệu quả sản xuất lao động nông thôn còn thấp, chất lượng tay nghề chưa cao. Một bộ phận hộ nghèo có tâm lý trông chờ, ỷ lại, không muốn thoát nghèo vì sợ mất đi sự hỗ trợ của nhà nước.

- Cấp ủy, chính quyền ở một số xã không thuộc kế hoạch đạt chuẩn chưa quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn do các xã đạt chuẩn nông thôn mới ít nhận được sự hỗ trợ, đầu tư của nhà nước.

- Khối lượng công việc các phòng, ban nhiều nên việc bố trí nhân lực và thời gian cho chương trình còn hạn chế. Thành viên Văn phòng Điều phối đều kiêm nhiệm, nhiệm vụ chuyên môn nhiều nên chưa bố trí thời gian thỏa đáng nghiên cứu, tham mưu đối với nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

- Nguồn vốn Trung ương, tỉnh phân bổ trong thời gian qua so với nhu cầu bức thiết trong xây dựng nông thôn mới, thì mức hỗ trợ vẫn còn thấp chưa tương xứng với mục tiêu đề ra. Một số quy định mới trong việc giải ngân nguồn vốn cần nhiều thời gian triển khai nên dẫn đến chậm trễ.

III. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NĂM 2021

1. Chỉ tiêu phấn đấu:

a) Phấn đấu đến cuối năm 2021, tiếp tục củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng tiêu chí của 03 xã (Ia Dom, Ia Krêl, Ia Nan); 06 xã (Ia Kla, Ia Kriêng, Ia

Din, Ia Dơk, Ia Lang, Ia Pnôn) phấn đấu đạt thêm từ 03 nội dung thành phần tiêu chí trở lên.

b) Phấn đấu đến cuối năm 2021, tiếp tục củng cố duy trì và nâng cao chất lượng tiêu chí của 11 thôn, làng; phấn đấu xây dựng 09 thôn, làng đạt chuẩn nông thôn mới *(02 thôn đạt chuẩn nông thôn mới đăng ký với tỉnh; 07 thôn làng đăng ký với huyện (trong đó: 04 làng ĐBDTTS theo Chỉ thị số 12-CT/TU)).*

2. Các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm năm 2021

- Xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2021; giao chỉ tiêu và phân công nhiệm vụ cụ thể từng cơ quan, đơn vị.

- Rà soát, kiện toàn Ban chỉ đạo, Ban Quản lý và Bộ máy giúp việc thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021-2025.

- Tăng cường kiểm tra, đôn đốc các cơ quan phụ trách tiêu chí, UBND xã triển khai thực hiện kế hoạch năm 2021; các cơ quan Thành viên BCĐ phụ trách xã tăng cường bám sát cơ sở để hướng dẫn, triển khai nhiệm vụ, tháo gỡ khó khăn vướng mắc và đề xuất giải pháp lên UBND huyện; Ban Chỉ đạo, Ban quản lý xã chủ động đề xuất, triển khai thực hiện giải pháp xây dựng NTM theo lộ trình, kế hoạch đề ra.

- Ban chỉ đạo tham mưu UBND huyện thường xuyên tổ chức rà soát, đánh giá và triển khai thực hiện các biện pháp nhằm củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng xã, thôn, làng đạt chuẩn nông thôn mới, không để tụt hạng tiêu chí; thực hiện tốt chế độ khen thưởng nhằm khích lệ, động viên kịp thời các xã, thôn làng có thành tích nổi bật trong xây dựng nông thôn mới.

- Chỉ đạo các cơ quan thành viên Ban Chỉ đạo và UBND các xã tập trung hoàn thành các nội dung tiêu chí để phấn đấu đạt chuẩn năm 2021 và thường xuyên cập nhật, bổ sung và hoàn thiện hồ sơ minh chứng xã, thôn, làng đạt tiêu chí nông thôn mới theo quy định.

- Triển khai thực hiện Chương trình mỗi xã một phẩm trên địa bàn huyện *(theo Quyết định số 34/QĐ-UBND, ngày 23/01/2019 của UBND tỉnh).*

- Đẩy mạnh việc triển khai thực hiện các dự án liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ nông sản trên địa bàn huyện.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện chương trình năm 2021 nhằm rút kinh nghiệm và biểu dương, khen thưởng kịp thời những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong xây dựng nông thôn mới.

III. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NHỮNG NĂM TIẾP THEO

1. Về phát triển sản xuất nông nghiệp

1.1. Về thực trạng của địa phương:

Huyện Đức Cơ, nằm trên tuyến Quốc lộ 19B, các tuyến đường trục chính từ trung tâm huyện đến các xã, thị trấn đã được nhựa hoá, bê tông hoá, nên tương đối thuận lợi cho việc giao thương hàng hoá, tiêu thụ nông sản; diện tích đất nông nghiệp: 67.032,75 ha, chiếm 92,9% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện (trong đó: Đất sản xuất nông nghiệp: 60.468,3 ha; đất Lâm nghiệp: 6.483,65 ha; đất nuôi trồng thủy sản: 80,8 ha); loại đất chủ yếu trên địa bàn là đất đỏ Bazan, phù hợp để trồng và thâm canh các loại cây công nghiệp dài ngày (cà phê, hồ tiêu, cao su, điều). Huyện Đức Cơ là huyện biên giới, tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số cao, nên

có nhiều chính sách, cũng như nguồn lực đầu tư của Đảng, Nhà nước vào lĩnh vực nông nghiệp; bên cạnh đó, các cấp uỷ đảng, chính quyền và mặt trận đoàn thể các cấp thường xuyên quan tâm, chú trọng vào đầu tư, phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn…

Bên cạnh những thuận lợi, việc phát triển sản xuất nông nghiệp gặp những khó khăn, hạn chế, đó là: Nhận thức của một bộ phận nhân dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn vẫn còn hạn chế, việc tiếp cận các tiến bộ, khoa học kỹ thuật, đầu tư phát triển sản xuất tương đối khó khăn, chậm chuyển biến; diện tích đất nông nghiệp lớn, nhưng diện tích đất của các Công ty cao su thuộc Binh đoàn 15 rất lớn, diện tích đất sản xuất của người dân ít và manh mún, nhỏ lẻ; nương rẫy sản xuất của nhân dân phân bố dọc theo các tuyến suối, địa hình tương đối dốc, đường giao thông nội đồng chưa được cứng hoá, còn khó đi lại, nên việc áp dụng thâm canh và xây dựng cánh đồng lớn, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp còn gặp rất nhiều khó khăn; doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất, chế biến tiêu thụ nông sản trên địa bàn ít, sản phẩm bán ra chủ yếu là sản phẩm thô chưa qua chế biến, nên giá trị kinh tế không cao so với tiềm năng, lợi thế của địa phương; việc phát triển sản xuất của nhân dân chưa thật sự bền vững; trong những năm qua giá cả một số mặt hàng nông sản xuống thấp, không ổn định, tiềm ẩn nhiều rủi ro, ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, cơ sở sơ chế, chế biến nông sản và nhân dân trên địa bàn.

1.2. Đề xuất giải pháp phát triển ngành nông nghiệp góp phần đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới tại địa phương:

Tập trung phát triển ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, thông qua các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị để nâng cao giá trị gia tăng và hiệu quả sản xuất, từng bước tiếp cận với sản xuất nông nghiệp công nghệ cao. Duy trì ổn định diện tích cây công nghiệp dài ngày, xác định đây là cây chủ lực của ngành trồng trọt trong chiến lược phát triển bền vững. Thúc đẩy sản phẩm chủ lực OCOP (mỗi xã, thị trấn một sản phẩm) của huyện gắn với thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, xây dựng Hợp tác xã, mô hình Nông hội. Tạo mọi điều kiện để thu hút, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Quy hoạch, hỗ trợ để xây dựng một số vùng chuyên canh cây ăn quả, cây đặc sản nhằm phát triển du lịch sinh thái; phát triển cây dược liệu ở những vùng có điều kiện phù hợp theo chuỗi liên kết sản xuất với các doanh nghiệp. Khuyến khích phát triển chăn nuôi tập trung, quy mô trang trị có ứng dụng khoa học kỹ thuật; Thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm; đồng thời, chuyển giao các loại con giống có chất lượng cao vào sản xuất. Huy động các nguồn lực, nhất là sự tham gia đóng góp của người dân và doanh nghiệp để thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng xã nông thôn mới, làng nông thôn mới trong đồng bào dân tộc thiểu số và đô thị văn minh.

Tăng cường trách nhiệm của các cấp, các ngành và chủ rừng trong công tác quản lý, bảo vệ rừng; thực hiện việc giao rừng, khoán và bảo vệ rừng cho cộng đồng dân cư và các hộ dân theo quy định; tiếp tục thực hiện các chủ trương của Trung ương, Tỉnh trong việc khoanh nuôi, trồng rừng trên những diện tích đất lâm nghiệp chưa có rừng theo quy hoạch. Duy trì ổn định diện tích nuôi trồng thủy sản,

với các giống thủy sản có giá trị kinh tế cao nhằm đáp ứng một phần nhu cầu của người dân trên địa bàn.

2. Về các dự án kêu gọi đầu tư vào địa phương (Dự án nông nghiệp):

2.1. Thực trạng:

Trong những năm qua, việc kêu gọi thu hút đầu tư vào địa phương chưa đạt kết quả. Số lượng doanh nghiệp tăng, nhưng hiệu quả hoạt động thấp (có đăng ký nhưng không hoạt động hoặc hoạt động không có hiệu quả).

2.2. Đề xuất giải pháp thu hút dự án nông nghiệp đầu tư vào địa phương:

Triển khai thực hiện đầy đủ, có hiệu quả các chính sách và tạo môi trường thuận lợi để các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, sản xuất, kinh doanh trên địa bàn. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực huyện có lợi thế so sánh, thuộc danh mục kêu gọi thu hút đầu tư để nâng cao năng lực cạnh tranh và thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội. Thường xuyên tổ chức các hội nghị gặp gỡ, tiếp xúc đối thoại với các doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh để tháo gở kịp thời những khó khan, vướng mắc; hỗ trợ, tạo điều kiện cho Hội doanh nghiệp huyện nâng cao vị thế, hiệu quả hoạt động.

Quy hoạch, bố trí quỹ đất để kêu gọi, thu hút đầu tư; ưu tiên, tạo điều kiện để các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực chế biến sâu một số sản phẩm nông sản chủ lực của huyện; vào hoạt động dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Đầu tư cơ sở vật chất, cải thiện môi trường kinh doanh, triển khai có hiệu quả công tác cải cách hành chính và nhân lực để nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công nhằm tạo điều kiện phục vụ tốt nhất cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và nhân dân khi đến thực hiện các thủ tục hành chính.

Thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội của huyện, quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chư Ty đảm bảo phù hợp với quy hoạch của cấp trên và yêu cầu thực tế phát triển của từng giai đoạn. Triển khai lập quy hoạch chi tiết sau khi đồ án quy hoạch chung xây dựng đã được phê duyệt; tăng cường công tác quản lý đất đai, quản lý trật tự xây dựng theo quy hoạch. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các dự án đầu tư nhằm nâng cao chất lượng công trình và hiệu quả nguồn vốn đầu tư.

3. Về các nguồn lực đầu tư:

3.1. Thực trạng:

Trong giai đoạn 2011-2020, công tác xây dựng nông thôn mới của huyện Đức Cơ đã đạt được: 840,602 tỷ đồng, chủ yếu là vốn ngân sách nhà nước (18,5%), vốn lồng ghép (31,6%) và vốn tín dụng (34,7%). Vốn huy động từ các Doanh nghiệp (11,9%), Vốn nhân dân đóng góp (3,3%).

3.2. Đề xuất giải pháp huy động nguồn lực:

Để tăng cường huy động các nguồn lực xã hội đẩy nhanh tiến độ Chương trình xây dựng nông thôn mới cần thực hiện một số giải pháp sau:

- Huy động tổng hợp các nguồn vốn để triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, như: Sử dụng lồng ghép các nguồn vốn huy động phục vụ Chương trình; Huy động tối đa nguồn lực địa phương (tỉnh, huyện, xã) để tổ chức triển khai chương trình; Huy động đầu tư của doanh nghiệp đối với các công trình có khả năng thu hồi vốn trực tiếp; Tăng cường thu hút các khoản đóng góp theo nguyên tắc tự nguyện của nhân dân đối với từng dự án cụ thể; Sử dụng có

hiệu quả các nguồn vốn tín dụng; Tăng cường huy động các nguồn tài chính hợp pháp khác.

- Nâng cao chất lượng công tác quản lý để sử dụng có hiệu quả nguồn lực đầu tư. Nâng cao chất lượng quy hoạch, kế hoạch, chuẩn bị đầu tư và chính sách phát triển đồng bộ với quản lý; Tăng cường kiểm tra đôn đốc báo cáo tiến độ trong điều hành xây dựng cơ bản và các dự án đầu tư trong chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Phải làm tốt công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức trong cộng đồng dân cư về nội dung, phương pháp, cách làm, cơ chế chính sách của Nhà nước về xây dựng nông thôn mới để cả hệ thống chính trị và người dân hiểu rõ: Chương trình xây dựng nông thôn mới không phải là một dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng mà là chương trình phát triển kinh tế - xã hội tổng thể, toàn diện, lâu dài trong nông thôn. Xây dựng nông thôn mới phải do cộng đồng dân cư làm chủ; huy động nội lực là chính với sự hỗ trợ một phần của nhà nước thì công cuộc xây dựng nông thôn mới mới thành công và bền vững.

4. Về cơ chế chính sách, hỗ trợ:

4.1. Thực trạng thực hiện chính sách, hỗ trợ

Trong thời gian qua, Huyện Đức Cơ đã thực hiện tương đối đầy đủ các chủ trương chính sách của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

- Vốn ngân sách:

+ Nguồn vốn sự nghiệp: Ưu tiên hỗ trợ thực hiện công tác quy hoạch; xây dựng đề án xây dựng nông thôn mới cấp xã; tuyên truyền; hoạt động của Ban Chỉ đạo các cấp; đào tạo kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho cán bộ xã, thôn, hợp tác xã; phát triển sản xuất và dịch vụ nông thôn;

+ Vốn đầu tư phát triển: Huy động, lồng ghép từ nguồn vốn của các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình hỗ trợ có mục tiêu trên địa bàn để tập trung thực hiện các công trình: Đường giao thông đến trung tâm xã; xây dựng trụ sở xã; xây dựng trường học đạt chuẩn; xây dựng trạm y tế xã; xây dựng nhà văn hóa xã; công trình cấp nước sinh hoạt, thoát nước thải khu dân cư; đường giao thông thôn; giao thông nội đồng và kênh mương nội đồng; nhà văn hóa thôn; công trình thể thao thôn; hạ tầng các khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản.

+ Nguồn thu từ xổ số kiến thiết: Đầu tư cho các công trình phúc lợi kinh tế - xã hội trên địa bàn xã theo quy định hiện hành. Bên cạnh đó, HĐND tỉnh quy định tăng tỷ lệ vốn thu được từ đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn xã (sau khi đã trừ đi chi phí) để lại cho ngân sách xã, ít nhất 70% thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới.

+ Nguồn vốn huy động từ doanh nghiệp và nhân dân đóng góp vào Chương trình nông thôn mới được quyết định sử dụng trên cơ sở lấy ý kiến của người dân nên đảm bảo tính minh bạch, việc sử dụng nguồn lực sẽ phù hợp với nhu cầu người dân.

- Các nguồn vốn tín dụng, doanh nghiệp, nhân dân đóng góp: Đã được quan tâm thường xuyên huy động, nên tại được nguồn lực rất lớn trong công tác xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

* Bên cạnh những kết quả đạt được, còn có những hạn chế đó là:

- Việc phân bổ nguồn lực vẫn theo kế hoạch hàng năm nên còn bị động, thiếu chủ động về nguồn của các địa phương trong xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình nông thôn mới. Nhiều chương trình mục tiêu quốc gia và chương trình mục tiêu được tiến hành ở địa phương. Mỗi chương trình lại có một cơ chế tài chính riêng gây khó khăn trong quá trình lồng ghép vốn cũng như thực hiện ở địa phương. Một số địa phương chưa chú trọng công tác kiểm tra, giám sát nên ảnh hưởng tới tiến độ, chất lượng và hiệu quả của Chương trình.

- Các khi các xã, thôn, làng hoàn thành xây dựng nông thôn mới, một số cơ chế chính sách, hỗ trợ liên quan bị cắt giảm làm ảnh hưởng đến đời sống, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người dân bước đầu còn sẽ khó khăn, như chính sách hỗ trợ bảo hiểm cho người đồng bào DTTS, chính sách tiền lương, trợ cấp cho cán bộ, công chức và nhân dân ở vùng đồng bào DTTS, vùng đặc biệt khó khăn...

4.2. Đề xuất giải pháp thực hiện cơ chế, chính sách:

Ưu tiên bố trí kinh phí để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo nhanh bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; đồng thời, có cơ chế cho các vùng có điều kiện phát triển kinh tế - xã hội để thu hút nguồn lực tài chính để tự phát triển, bố trí dành nguồn ngân sách để tập trung đầu tư cho các vùng còn nghèo và khó khăn. Đề án phát triển giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thuỷ sản; Chương trình khuyến nông; kinh phí phòng chống dịch,...

Đối với các địa phương: Cần chủ động bố trí cân đối ngân sách địa phương cho phát triển nông nghiệp, nông thôn, trong đó ưu tiên bố trí vốn cho đầu tư cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn, thuỷ lợi, tăng cường cho công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư,... để phát triển sản xuất.

Tiếp tục dành nguồn vốn tín dụng ưu đãi đầu tư cho nông nghiệp nông thôn. Ưu tiên vốn tín dụng ưu đãi cho các ngành nghề thu hút nhiều lao động, nhằm giải quyết việc làm cho nông dân thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, tăng năng suất lao động, giảm giá thành, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất. Tiếp tục dành nguồn vốn qua Ngân hàng Chính sách Xã hội để cho vay đối với các hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 54/2012/QĐ-TTg ngày 04/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ..v.v.

Ủy ban nhân dân huyện báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh biết, tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Sở Nông nghiệp-PTNT;
- Văn phòng điều phối tỉnh;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Phòng Nông nghiệp-PTNT;
- Lưu VT-VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC CƠ - GIA LAI

Trần Ngọc Phận

Phụ biểu 01:

TỔNG HỢP CHUNG CÁC XÃ ĐẠT TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI ĐẾN 31/12/2020

(Kèm theo Báo cáo số 197 /BC-UBND, ngày 10 tháng 5 năm 2021 của Uỷ ban nhân dân huyện)

STT	Xã	Nhóm tiêu chí																			
		Quy hoạch	Phát triển hạ tầng kinh tế xã hôi								Kinh tế tổ chức sản xuất				Văn hóa - Xã hội - Môi trường				Hệ thống chính trị		
		1. Quy hoạch	2. Giao thông	3. Thuỷ lợi	4. Điện	5. Trường học	6. Cơ sở vật chất văn hóa	7. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	8. Thông tin và truyền thông	9. Nhà ở dân cư	10. Thu nhập	11. Hộ nghèo	12. Lao động có việc làm	13. Tổ chức sản xuất	14. Giáo dục và Đào tạo	15. Y tế	16. Văn hóa	17. Môi trường và An toàn thực phẩm	18. Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	19. Quốc phòng và An ninh	Tổng số tiêu chí đạt
1	Ia Dom	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19
2	Ia Krêl	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19
3	Ia Kriêng	X	X	X	X		X	X	X				X		X	X	X			X	12
4	Ia Kla	X		X	X		X	X	X				X	X	X	X	X			X	12
5	Ia Din	X	X	X	X			X	X			X	X		X	X	X			X	12
6	Ia Dơk	X		X	X			X	X				X	X	X	X	X				10
7	Ia Lang	X		X	X		X	X	X	X			X	X	X	X	X	X		X	14
8	Ia Nan	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	19
9	Ia Pnôn	X		X	X		X	X	X				X		X	X	X			X	11
Tổng		**9**	**5**	**9**	**9**	**3**	**7**	**9**	**9**	**4**	**3**	**4**	**9**	**6**	**9**	**9**	**9**	**4**	**3**	**8**	
Tỷ lệ %		**100,0**	**55,6**	**100,0**	**100,0**	**33,3**	**77,8**	**100,0**	**100,0**	**44,4**	**33,3**	**44,4**	**100,0**	**66,7**	**100,0**	**100,0**	**100,0**	**44,4**	**33,3**	**88,9**	

Phụ biểu 02:

KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Báo cáo số 197 /BC-UBND, ngày 10 tháng 5 năm 2021 của UBND huyện)

TT	MỤC TIÊU	Giai đoạn 2011-2015 *(Theo Bộ tiêu chí cũ)*		Giai đoạn 2016-2020 *(Theo Bộ tiêu chí mới)*		Ghi chú
		Năm 2011	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2020	
1	**Mức đạt tiêu chí bình quân/xã**	**3,4**	**12,4**	**8,7**	**14,2**	
2	**Mức đạt tiêu chí bình quân/xã nghèo, đặc biệt khó khăn**	**3,3**	**11**	**8**	**13**	**Có 02 xã (Ia Lang, Ia Kriêng)**
3	**Kết quả đạt chuẩn tiêu chí theo xã**	**9**	**9**	**9**	**9**	
	Số xã đạt chuẩn (19 tiêu chí) đã có QĐ công nhận	0	2	2	3	
	Số xã đạt 18 tiêu chí	0	0	0	0	
	Số xã đạt 17 tiêu chí	0	0	0	1	
	Số xã đạt 16 tiêu chí	0	0	0	0	
	Số xã đạt 15 tiêu chí	0	0	0	0	
	Số xã đạt 14 tiêu chí	0	0	0	1	
	Số xã đạt 13 tiêu chí	0	1	1	0	
	Số xã đạt 12 tiêu chí	0	0	0	3	
	Số xã đạt 11 tiêu chí	0	2	0	1	
	Số xã đạt 10 tiêu chí	0	3	0	0	
	Số xã đạt 9 tiêu chí	0	1	2	0	
	Số xã đạt 8 tiêu chí	0	0	1	0	
	Số xã đạt 7 tiêu chí	0	0	3	0	
	Số xã đạt 6 tiêu chí	0	0	0	0	
	Số xã đạt 5 tiêu chí	2	0	0	0	
	Số xã đạt 4 tiêu chí	1	0	0	0	
	Số xã đạt 3 tiêu chí	5	0	0	0	
	Số xã đạt 2 tiêu chí	1	0	0	0	

TT	MỤC TIÊU	Giai đoạn 2011-2015 *(Theo Bộ tiêu chí cũ)*		Giai đoạn 2016-2020 *(Theo Bộ tiêu chí mới)*		Ghi chú
		Năm 2011	**Năm 2015**	**Năm 2016**	**Năm 2020**	
4	**Kết quả đạt chuẩn theo từng tiêu chí**	**31**	**112**	**78**	**128**	
	Số xã đạt tiêu chí số 1 về quy hoạch	0	9	9	9	
	Số xã đạt tiêu chí số 2 về giao thông	0	2	1	5	
	Số xã đạt tiêu chí số 3 về Thủy lợi	2	9	9	9	
	Số xã đạt tiêu chí số 4 về Điện	9	9	9	9	
	Số xã đạt tiêu chí số 5 về Trường học	0	3	1	3	
	Số xã đạt tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hóa	0	2	0	7	
	Số xã đạt tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	1	5	5	9	
	Số xã đạt tiêu chí số 8 về Thông tin và truyền thông	1	9	9	9	
	Số xã đạt tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư	0	2	1	4	
	Số xã đạt tiêu chí số 10 về Thu nhập	0	4	0	3	
	Số xã đạt tiêu chí số 11 về Hộ nghèo	0	2	0	4	
	Số xã đạt tiêu chí số 12 về Lao động có việc làm	0	9	9	9	
	Số xã đạt tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất	1	5	1	6	
	Số xã đạt tiêu chí số 14 về Giáo dục và Đào tạo	2	7	8	9	
	Số xã đạt tiêu chí số 15 về Y tế	6	9	5	9	
	Số xã đạt tiêu chí số 16 về Văn hóa	0	4	3	9	
	Số xã đạt tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm	0	9	0	4	
	Số xã đạt tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	0	4	0	3	
	Số xã đạt tiêu chí số 19 về An ninh trật tự	9	9	8	8	

Phụ biểu 03:

TỔNG HỢP THỰC TRẠNG BỘ TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI CỦA CÁC XÃ GIAI ĐOẠN 2011-2020

(Kèm theo Báo cáo số 197/BC-UBND, ngày 10 tháng 5 năm 2021 của Uỷ ban nhân dân huyện)

Số TT	Tên xã	Giai đoạn 2011-2015 (Bộ tiêu chí cũ theo QĐ số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ và QĐ số 58/QĐ-UBND ngày 03/02/2015 của UBND tỉnh)				Giai đoạn 2016-2020 (Bộ tiêu chí mới theo QĐ số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và QĐ số 250/QĐ-UBND, ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh)				
		Thực trạng khi bắt đầu thực hiện Chương trình *(tháng 11/2011)*		Kết quả đến 31/12/2015		Kết quả đến 31/12/2016 *(Điều chỉnh theo Bộ tiêu chí mới)*		Kết quả đến 31/12/2020		Tiêu chí chưa đạt
		Số tiêu chí đạt	Các tiêu chí đạt	Số tiêu chí đạt	Các tiêu chí đạt	Số tiêu chí đạt	Các tiêu chí đạt	Số tiêu chí đạt	Các tiêu chí đạt	
1	Xã Ia Dom	5	Tiêu chí: 4; 7; 13; 14;19	19	Tiêu chí: 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9; 10; 11; 12; 13; 14; 15; 16; 17; 18; 19	13	Tiêu chí: 1, 2, 3, 4, 5, 7, 8, 9, 12, 13, 14, 16, 19	19	Tiêu chí: 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9; 10; 11; 12; 13; 14; 15; 16; 17; 18; 19	
2	Xã Ia Krêl	2	Tiêu chí: 4; 19	19	Tiêu chí: 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9; 10; 11; 12; 13; 14; 15; 16; 17; 18; 19	9	Tiêu chí: 1; 3; 4; 7; 8; 12; 14; 15; 19	19	Tiêu chí: 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9; 10; 11; 12; 13; 14; 15; 16; 17; 18; 19	
3	Xã Ia Kriêng	3	Tiêu chí: 4; 15; 19	10	Tiêu chí: 1; 3; 4; 7; 8; 12; 15; 16; 17; 19	9	Tiêu chí: 1; 3; 4; 7; 8; 12; 15; 16; 19	12	Tiêu chí: 1; 2; 3; 4; 7; 8; 12; 14; 15; 16; 19	Tiêu chí: 5; 6; 9; 10; 11; 13; 17; 18
4	Xã Ia Kla	3	Tiêu chí: 4; 15; 19	10	Tiêu chí: 1; 3; 4; 7; 8; 12; 14; 15; 17; 19	8	Tiêu chí: 1; 3; 4; 7; 8; 12; 14; 19	12	Tiêu chí: 1; 3; 4; 6; 7; 8; 12; 13; 14; 15; 16; 19	Tiêu chí: 2; 5; 9; 10; 11; 17; 18
5	Xã Ia Din	3	Tiêu chí: 4; 8; 19	11	Tiêu chí: 1; 3; 4; 8; 12; 14; 15; 16; 17; 18; 19	9	Tiêu chí: 1; 3; 4; 8; 12; 14; 15; 16; 19	12	Tiêu chí: 1; 2; 3; 4; 7; 8; 11; 12; 14; 15; 16; 19	Tiêu chí: 5; 6; 9; 10; 13; 17; 18
6	Xã Ia Dơk	5	Tiêu chí: 3; 4; 14; 15; 19	9	Tiêu chí: 1; 3; 4; 8; 12; 13; 15; 17; 19	7	Tiêu chí: 1; 3; 4; 8; 12; 14; 15	10	Tiêu chí: 1; 3; 4; 7; 8; 12; 13; 14; 15; 16	Tiêu chí: 2; 5; 6; 9; 10; 11; 1 7 ;18; 19
7	Xã Ia Nan	3	Tiêu chí: 4; 15; 19	11	Tiêu chí: 1; 3; 4; 8; 10; 12; 13; 14; 15; 17; 19	7	Tiêu chí: 1; 3; 4; 8; 12; 14; 19	19	Tiêu chí: 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9; 10; 11; 12; 13; 14; 15; 16; 17; 18; 19	
8	Xã Ia Lang	3	Tiêu chí: 4; 15; 19	13	Tiêu chí: 1; 3; 4; 5; 7; 8; 10, 12; 14; 15; 17; 18; 19	9	Tiêu chí: 1; 3; 4; 7; 8; 12; 14; 15; 19	14	Tiêu chí: 1; 3; 4; 6; 7; 8; 9; 12; 13; 14; 15; 16; 17; 19	Tiêu chí: 2; 5; 10; 11; 18
9	Xã Ia Pnôn	4	Tiêu chí: 3; 4; 15; 19	10	Tiêu chí: 1; 3; 4; 8; 12; 13; 14; 15; 17; 19	7	Tiêu chí: 1; 3; 4; 8; 12; 14; 19	11	Tiêu chí: 1; 3; 4; 6; 7; 8; 12; 14; 15; 16; 19	Tiêu chí: 2; 5; 9; 10; 11; 13; 17; 18
Tổng cộng		**31**		**112**		**78**		**128**		
BQ tiêu chí đạt/xã		**3,4**		**12,4**		**8,7**		**14,2**		

Phụ biểu 04

KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2011-2020

(Kèm theo Báo cáo số 197 /BC-UBND, ngày 10 tháng 5 năm 2021 của Uỷ ban nhân dân huyện)

TT	Nội dung đầu tư	Giai đoạn 2010-2020									
		Tổng số	*Vốn đầu tư trực tiếp*					*Lồng ghép*	*Tín dụng*	*Doanh nghiệp*	*Dân góp*
			Tổng số	*Ngân sách Trung ương*			*NSĐP*				
				TPCP	*ĐTPT*	*SN*					
1	Nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới	**215**	215			*185*	30				
2	Truyền thông về xây dựng nông thôn mới	**401**	401			*351*	50				
3	Hoạt động của BCĐ và cơ quan tham mưu, giúp việc ở các cấp	**450**	450			*280*	170				
4	Quy hoạch xây dựng nông thôn mới	**3.400**	900			*900*	-	2.500			
5	Phát triển hạ tầng - kinh tế xã hội	**447.997**	**134.467**	**12.970**	**116.627**	**-**	**4.870**	**223.615**	**-**	**67.935**	**21.980**
5.1	*Giao thông nông thôn*	*220.395*	92.807	*7.600*	*84.637*		*570*	*84.713*		*31.475*	*11.400*
5.2	*Thủy lợi nội đồng*	*5.608*	-					*5.608*			
5.3	*Điện nông thôn*	*13.500*	-					*13.500*			
5.4	*Trường học*	*156.006*	31.132	*2.675*	*24.657*		*3800*	*97.024*		*27.850*	
5.5	*CSVC Văn hóa xã, thôn*	*22.658*	10.028	*2.695*	*7.333*			*10.270*		*460,0*	*1.900*
5.6	*Trạm y tế xã*	*12.500*	-					*12.500*			
5.7	*Thông tin và truyền thông cơ sở*	*500*	500				*500*				
5.8	*Công trình cung cấp nước sinh hoạt cho người dân*	*-*	-								
5.9	*Nhà ở dân cư*	*16.830*	-							*8.150*	*8.680*
6	Phát triển sản xuất theo chuỗi liên kết	**2.863**	2.863			*2.863*					

TT	Nội dung đầu tư	Giai đoạn 2010-2020									
		Tổng số	*Vốn đầu tư trực tiếp*					*Lồng ghép*	*Tín dụng*	*Doanh nghiệp*	*Dân góp*
			Tổng số	*Ngân sách Trung ương*			*NSĐP*				
				TPCP	*ĐTPT*	*SN*					
7	Đổi mới tổ chức sản xuất trong nông nghiệp	-	-								
8	Hỗ trợ phát triển HTX	**30**	30				30				
9	Phát triển ngành nghề nông thôn	**104**	104			*104*					
10	Đào tạo nghề phi nông nghiệp	**300**	300			*300*					
11	Đào tạo nghề nông nghiệp	**1.034**	1.034			*1.034*					
12	Phát triển sản xuất	**323.979**	5.349			*5.349*		27.340	291.290		
13	Phát triển giáo dục ở nông thôn	-	-								
14	Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn	-	-								
15	Vệ sinh môi trường nông thôn	**3.200**	1.100		*200*	*900*		2.100			
16	Khắc phục, xử lý ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề	**385**	385		*385*						
17	Đào tạo cho công chức xã	-	-								
18	Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn	-	-								
19	Duy tu, bảo dưỡng các công trình sau đầu tư trên địa bàn xã	**7.585**	7.585		*970*		*6.615*				
20	Xây dựng trụ sở xã	**10.720**	520	*300*	*220*			*10.200*			
21	Các nội dung khác (khám chữa bệnh, hỗ trợ cứu đói, lắp đặt điện đường chiếu sáng…)	**37.940**	-							32.450	5.490
	TỔNG CỘNG	**840.602**	**155.702**	**13.270**	**118.402**	**12.266**	**11.765**	**265.755**	**291.290**	**100.385**	**27.470**